TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/DS-ST
Ngày: 11-3-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng;

Ông Mai Minh Chánh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST-DS ngày 18/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V A, có trụ sở tại: số 34A – 34B Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Tr, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1979, chức vụ: Tổ trưởng tổ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V A – chi nhánh tỉnh An Giang, theo giấy ủy quyền số 28A/2019/GUQ-VAB ngày 10/5/2019 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần V A, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1966, có mặt.

Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1965, có mặt.

Cùng trú tại: ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V A Tnh bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần V A – chi nhánh An Giang, Phòng giao dịch CP cho bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn Th1 vay tiền theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0184/11/VAB-CP/HĐNH ngày 24/5/2011 như sau:

Số tiền vay: 200.000.000đ; thời hạn vay: 12 tháng; ngày nhận nợ 24/5/2011, mục đích vay: Bổ sung vốn dịch vụ cầm đồ. Lãi suất vay trong hạn 22,8%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04904 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 20/5/2011với diện tích đất 119,2m^2 thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 28, trên đất có nhà ở cấp 4 diện tích 94,43m^2 kết cấu nhà móng cột khung bê tông cốt thép, vách tường, nền lót gạch Ceramic, trần thạch cao và ván ép, mái tole tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang, theo hợp đồng thế chấp số 0161/11/VAB-CP/TCBĐS ngày 24/5/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Th, ông Th1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở trả nợ nhưng bà Th, ông Th1 vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Sau ngày đến hạn hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng yêu cầu bà Th ông Th1 trả vốn 195.300.000đ, lãi 53.866.520đ (lãi tạm tính đến ngày 14/5/2019). Quá Tnh giải quyết vụ án, ngày 02/10/2019 Tòa án nhân dân huyện CP đã lập biên bản hòa giải thành hai bên thống nhất số nợ vốn và lãi là 251.346.556đ. Tuy nhiên, ngày 03/10/2019, Ngân hàng có đơn đề nghị thay đổi ý kiến tại biên bản hòa giải thành ngày 02/10/2019, Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng làm thủ tục bổ sung yêu cầu khởi kiện và ngày 19/10/2019 Ngân hàng nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện với lý do Ngân hàng có sơ sót trong khi tính lãi, nên khởi kiện bổ sung buộc bà Th ông Th1 phải trả cho Ngân hàng vốn 195.300.000đ, lãi quá hạn tạm tính đến 21/10/2019 là 502.428.305đ và yêu cầu tính lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi giải quyết xong vụ án. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy T hợp đồng thế chấp số 0161/11/VAB-CP/TCBĐS ngày 24/5/2011 để đảm bảo thi hành án.

Bản tự khai ngày 10/8/2019 của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Văn Th1 Tnh bày: Thống nhất còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V A vốn và lãi là 251.346.556đ. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng trả vốn 195.300.000đ, lãi 522.280.550đ (tính đến ngày

05/02/2020) thì ông Th1, bà Th không đồng ý, chỉ đồng ý trả vốn 195.300.000đ và lãi 56.046.556đ như biên bản hòa giải thành ngày 02/10/2019.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Th1, bà Th thống nhất còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V A vốn 195.300.000đ, tiền lãi chưa đóng từ ngày 24/5/2012 đến nay (11/3/2020) là 528.774.275đ, xin trả dần mỗi đợt 30.000.000đ/04 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Th1 và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V A số tiền vốn 195.300.000đ, lãi 528.774.275đ (tính đến ngày 11/3/2020) và lãi phát sinh đến ngày xét xử.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần V A tự nguyện chịu 400.000đ chi phí tố tụng, sự tự nguyện này không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự - hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú trên địa bàn huyện CP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về lãi suất do bộ phận kế toán tính sai sót về lãi suất nên sau khi lập biên bản hòa giải thành và trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành Ngân hàng có đề nghị thay đổi ý kiến hòa giải thành. Xét việc thay đổi ý kiến đối với ý kiến trong biên bản hòa giải thành phù hợp với quy định tại Điều 5; khoản 4 Điều 70 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Ngân hàng thương mại cổ phần V A và bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Văn Th1 có ký hợp đồng tín dụng ngắn dài hạn số 0184/11/VAB-CP/HĐNH ngày 24/5/2011 vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục

đích vay để bổ sung vốn dịch vụ cầm đồ. Sau khi nhận tiền vay, bà Th và ông Th1 có trả một phần vốn và lãi theo hợp đồng, còn nợ vốn 195.300.000 đồng và lãi chưa Th1 toán cho ngân hàng, đến nay đã chuyển nợ quá hạn.

[2.2] Xét hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0184/11/VAB-CP/HĐNH ngày 24/5/2011 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V A và bà Th, ông Th1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, bà Th, ông Th1 có vay 200.000.000 đồng thời hạn vay 12 tháng, trả vốn cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Sau khi vay ông Th1, bà Th trả vốn và trả lãi được một phần thì ngưng từ 24/5/2012 đến nay, Ngân hàng đã tạo điều kiện và nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Th1 và bà Th không có thiện chí trả nợ, nên chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th1, bà Th trả tiền vốn vay còn lại 195.300.000đ và tiền lãi là đúng với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.3] Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì Tổ chức tín dụng được thực hiện lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng vay.

Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận tiền các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 22,8%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, trả lãi hàng tháng. Bà Th, ông Th1 không trả tiền vốn và lãi vay đúng hạn nên Ngân hàng đã tính lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng số 0184/11/VAB-CP/HĐNH ngày 24/5/2011 . Thỏa thuận về tiền lãi vay, lãi phạt quá hạn tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi quá hạn từ ngày 24/5/2011 đến ngày 11/3/2020 là 528.774.275đ.

Như vậy, bà Th, ông Th1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần V A tiền vốn vay 195.300.000 đồng và tiền lãi 528.774.275đ, tổng cộng 724.074.275đ.

[2.4] Để đảm bảo khoản tiền vay, bà Th, ông Th1 đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V A hợp đồng thế chấp tài sản số 0161/11/VAB-CP/TCBĐS ngày 24/5/2011 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04904 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 20/5/2011với diện tích đất 119,2m^2 thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 28, trên đất có nhà ở cấp 4 diện tích 94,43m^2 kết cấu nhà móng cột khung bê tông cốt thép, vách tường, nền lót gạch Ceramic, trần thạch cao và ván ép, mái tole tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang, hợp đồng thế chấp

tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu ngày 24/5/2011 là đúng theo quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, tiếp tục duy T hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên để đảm bảo thi hành án. Ngân hàng thương mại cổ phần V A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Th, ông Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa Ngân hàng thương mại cổ phần V A tự nguyện chịu 400.000đ, đây là sự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V A.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn Th1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V A vốn vay 195.300.000đ (Một trảm chín mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi 528.774.275đ (Năm trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), tổng cộng 724.074.275đ (Bảy trăm hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Bà Th, ông Th1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0184/11/VAB-CP/HĐNH ngày 24/5/2011 cho đến khi Th1 toán xong số tiền trên.

Tiếp tục duy T hợp đồng thế chấp số tài sản số 0161/11/VAB-CP/TCBĐS ngày 24/5/2011 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bà Th ông Th1 không Th1 toán số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần V A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần V A tự nguyện chịu 400.000đ (đã nộp xong).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th và ông Nguyễn Văn Th1 cùng phải chịu 32.960.971đ (Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn chín trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V A 17.200.236đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001462 ngày 26/6/2019 và 0005391 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ